TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-12-2024
V/v tranh chấp về xác định cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quang Liêm và ông Phạm Xuân Sang.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 326/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp về xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tấn Thị L, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Chu Xuân S, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn - chị Tấn Thị L trình bày: Cuối năm 2023, chị có quen biết anh Chu Xuân S và nảy sinh tình cảm, khi đó chị vẫn đang có chồng là anh Nguyễn Văn L1 nhưng do mâu thuẫn nên vợ chồng chị ly thân, chưa ly hôn. Sau đó chị đã có thai với anh S và chị làm thủ tục ly hôn anh L1. Chị đã ly hôn anh L1 theo Bản án số 29/2024/HNGĐ-ST ngày 04/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; khi ly hôn vợ chồng chưa có con chung. Sau khi ly hôn anh L1, đến ngày 10/10/2024 chị sinh được một con, dự định đặt tên con là Tấn Thị N. Chị xác định chị và anh L1 sống ly thân gần 03 năm nay, không còn quan hệ tình cảm gì với nhau, chị xác định cháu Tấn Thị N là con của anh Chu Xuân S. Do chị mang thai và sinh con trong thời kỳ hôn nhân với anh L1 nên chị không đăng ký khai sinh cho con chị

theo họ tên cha đẻ của con chị được. Do vậy, chị đã làm đơn khởi kiện đề nghị xác định anh Chu Xuân S là bố đẻ của cháu Tấn Thị N sinh ngày 10/10/2024. Về chi phí giám định: Chị tự nguyện chịu cả chi phí giám định ADN.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn - anh Chu Xuân S trình bày: Anh có quen biết chị Tấn Thị L từ cuối năm 2023. Khi đó chị L đã có chồng là anh Nguyễn Văn L1 và đang sống ly thân nhưng anh không biết nên đã nảy sinh tình cảm với chị L. Đầu năm 2024, chị L mang thai con của anh. Đến tháng 8 năm 2024, chị L đã ly hôn anh L1. Ngày 10/10/2024 chị L sinh được một con dự định đặt tên là Tấn Thị N. Do chị L có thai và sinh con trong thời kỳ hôn nhân với anh L1 nên cháu N không làm được giấy khai sinh. Nay anh xác định cháu Tấn Thị N theo giấy chứng sinh là con của anh. Để làm thủ tục khai sinh cho cháu, chị L khởi kiện xác định anh và cháu Tấn Thị N là cha con, anh nhất trí và anh đề nghị Toà án lấy mẫu giám định ADN giữa anh và cháu N để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Văn L1 trình bày: Ngày 04/8/2024, anh đã được Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ giải quyết ly hôn với chị Tấn Thị L theo Bản án số 29/2024/HNGĐ-ST. Trong thời gian anh và chị L ly thân, chờ Toà án giải quyết ly hôn chị L đã chơi bời trai gái có thai và sinh con với ai anh không quan tâm vì 03 năm nay anh chị đã sống ly thân, không qua lại tình cảm với nhau. Anh không liên quan gì đến con của chị L, anh từ chối giám định và xác định cháu N không phải là con anh. Chị L yêu cầu Toà án xác định cha cho con, anh không có ý kiến gì và anh đề nghị được vắng mặt tại phiên họp và phiên toà.

Tại Bản kết luận giám định ADN số: 21T11/24/DNA ngày 21 tháng 11 năm 2024, Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ Genplus kết luận: Anh Chu Xuân S có quan hệ huyết thống bố - con với Tấn Thị N, độ tin cậy >99,9999%.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu của chị Tấn Thị L về việc xác định cha cho con chưa thành niên. Xác định anh Chu Xuân S là cha đẻ cháu Tấn Thị N sinh ngày 10/10/2024. Về án phí: Miễn án phí xác định cha cho con chưa thành niên cho chị Tấn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Tấn Thị L khởi kiện tranh chấp về xác định cha cho con đối với bị đơn anh Chu Xuân S có địa chỉ tại thôn N, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 101 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho các đương sự với địa chỉ của một số đương sự là xã Phượng Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, nay đơn vị hành chính cấp xã này đã được sắp xếp thành xã P, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương theo Nghị quyết số 1250/NQ-UBTVQH15 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hải Dương giai đoạn 2023 – 2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 nên Hội đồng xét xử (HĐXX) sẽ ghi theo địa chỉ mới này. Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị Tấn Thị L và anh Nguyễn Văn L1 đã ly hôn theo Bản án số 29/2024/HNGĐ-ST ngày 04/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, khi đó Toà án không giải quyết về con chung của anh chị. Sau khi ly hôn một thời gian, chị đã sinh một con theo Giấy chứng sinh số 2024/8888, quyển số 2024, mã GCS: 08888.GCS.30335.24 ngày 10/10/2024 của Bệnh viện Phụ sản Hải Dương với thông tin: Họ và tên mẹ/Người nuôi dưỡng: Tấn Thị L; ngày sinh mẹ: 14/9/1990; nơi đăng ký thường trú: H, xã Phượng Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; số thẻ căn cước: 030190003097; họ và tên cha: Mẹ đơn thân; đã sinh con vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 10 tháng 10 năm 2024 tại Phường Thanh Bình, Bệnh viện Phụ sản Hải Dương; số con trong lần sinh này: 1; giới tính của con: Nữ; dự định đặt tên con là: Tấn Thị N. Chị L xác định trong thời gian chị và anh L1 sống ly thân, chị có quen biết và nảy sinh tình cảm với anh S dẫn đến chị có thai với anh S. Chị xác định cháu N là con của anh S nhưng chị chưa đăng ký khai sinh cho cháu N theo cha đẻ của cháu được nên chị khởi kiện yêu cầu xác định cha cho con. Bị đơn - anh Chu Xuân S xác định có quen biết và phát sinh tình cảm với chị L, sau đó có con với chị L, anh xác định cháu Tấn Thị N là con của anh. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Văn L1 xác định anh và chị L 03 năm nay sống ly thân, không qua lại tình cảm với nhau và anh xác định cháu N không phải là con của anh. Tại Bản kết luận giám định ADN số: 21T11/24/DNA ngày 21 tháng 11 năm 2024, Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ Genplus kết luận: Anh Chu Xuân S có quan hệ huyết thống bố - con với Tấn Thị N, độ tin cậy >99,9999%. Như vậy, có căn cứ xác định: Tuy cháu gái dự định đặt tên là Tấn Thị N được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân giữa chị Tấn Thị L và anh Nguyễn Văn L1 nhưng anh L1 không thừa nhận cháu N là con của mình, anh Chu Xuân S và chị Tấn Thị L đều thừa nhận cháu N là con của anh S,

kết luận giám định ADN xác định anh Chu Xuân S có quan hệ huyết thống bố - con với cháu N nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tấn Thị L xác định cháu Tấn Thị N không phải là con đẻ của anh Nguyễn Văn L1 mà là con đẻ của anh Chu Xuân S là phù hợp với quy định tại Điều 39 của Bộ luật Dân sự, các điều 88, 89, 90, 91, 101 và 102 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Tấn Thị L không yêu cầu anh Chu Xuân S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng: Chị Tấn Thị L tự nguyện chịu cả chi phí giám định ADN và đã nộp đủ nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tấn Thị L yêu cầu xác định cha cho con chưa thành niên và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 25 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tại thời điểm khởi kiện chị không có đơn đề nghị miễn, giảm tạm ứng án phí nên không được xét miễn, giảm tạm ứng án phí là phù hợp với các điều 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Do vậy, HĐXX cần trả lại cho chị số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 88, 89, 90, 91, 101 và 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về xác định cha cho con: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định anh Chu Xuân S sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương là bố (cha) đẻ của con dự định đặt tên là Tấn Thị N, giới tính: Nữ, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2024 theo Giấy chứng sinh số 2024/8888, quyển số 2024, mã GCS: 08888.GCS.30335.24 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bệnh viện Phụ sản Hải Dương.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Tấn Thị L. Trả lại chị Tấn Thị L số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005734 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã P, huyện Tứ Kỳ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vương Đình Thi